

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiều

2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1976 “có mặt”.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1981 “có mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn ông Phạm Ngọc T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy H thành hôn vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống được 25 năm, lúc đầu sống hạnh phúc nhưng về sau do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Từ đó vợ chồng không còn tình nghĩa, cuộc sống không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung ông và bà H có 01 con chung tên Phạm Ngọc R, sinh ngày 07/02/1999, đã trưởng thành và đã lập gia

đình nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 01 năm 2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: bà thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T về thời gian sống chung, con chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Bà xác định bà và ông T sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Tài sản chung, nợ chung bà cũng không tranh chấp. Nay xét thấy không còn tình cảm với ông T, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn giữ ý kiến trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H, địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn và theo giấy xác nhận tình trạng Hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long thì ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H không có đăng ký kết hôn. Do ông, bà sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H nên căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H có 01 con chung tên Phạm Ngọc R, sinh ngày 07/02/1999, đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thúy H là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Ngọc T nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Phạm Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số 0010986 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong